**Bài 3. QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HOÁ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- So sánh được sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống.

- Biết sơ lược quá trình đô thị hoá và sự hình thành các siêu đô thị trên thế giới.

- Biết một số siêu đô thị trên thế giới.

**2. Kĩ năng**

Đọc các bản đồ (hoặc lược đồ): Các siêu đô thị trên thế giới. Nhận biết quần cư đô thị, quần cư nông thôn qua tranh ảnh và thực tế.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên**

- Bản đồ dân cư thế giới có thể hiện các đô thị.

- Lược đồ các siêu đô thị trên thế giới có từ 8 triệu dân trở lên (theo SGK phóng to).

- Ảnh một số đô thị lớn ở Việt Nam và trên thế giới.

**2. Đối với học sinh**

Sách, vở, đồ dùng học tập, tranh ảnh về quần cư đô thị và nông thôn.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ**

**Câu 1.** Hãy nêu sự khác nhau về hình thái bên ngoài và nơi cư trú chủ yếu của ba chủng tộc chính trên trế giới.

**Câu 2.** Tại sao dân số trên thế giới lại phân bố không đều?

**2. Tiến trình dạy học**

**QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HOÁ**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu quần cư nông thôn và quần cư đô thị.**

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức: So sánh được sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống.

- Kĩ năng: Nhận biết quần cư đô thị, quần cư nông thôn qua tranh ảnh và thực tế.

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học**

Thảo luận, trực quan.

**3. Các bước hoạt động**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | | | | **Nội dung chính** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1:**  - GV: Cho HS đọc thuật ngữ quần cư ở bảng tra cứu thuật ngữ trang 187 SGK.  - Chia nhóm, yêu cầu các nhóm quan sát hình 3.1, 3.2 và vận dụng sự hiểu biết cũng như kiến thức trong SGK trao đổi, hoàn thành phiếu học tập sau: | | | | **1: Quần cư nông thôn và quần cư đô thị.**  (Xem thông tin phản hồi ở phụ lục) |
| **Quần cư nông thôn** | | **Quần cư thành thị** | |
| Cách tổ chức sinh sống | Hoạt động kinh tế chủ yếu | Cách tổ chức sinh sống | Hoạt động kinh tế chủ yếu |
|  |  |  |  |
| **Xu hướng:** | | **Xu hướng:** | |
| **- Bước 2:** GV gọi 1 🡪 3 nhóm phát biểu còn lại cả lớp nghe, nhận xét, cho ý kiến.  **- Bước 3:** GV chuẩn kiến thức (liên hệ với thực tế Việt Nam). | | | |

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu đô thị hóa. Các siêu đô thị**

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức:

+ Biết sơ lược quá trình đô thị hoá và sự hình thành các siêu đô thị trên thế giới.

+ Biết một số siêu đô thị trên thế giới.

- Kĩ năng: Đọc các bản đồ (hoặc lược đồ): Các siêu đô thị trên thế giới.

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học**

Đọc tích cực, đàm thoại gợi mở, trực quan.

**3. Các bước hoạt động**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| --- | --- |
| **Bước 1:**  **-** GV cho HS đọc SGK đoạn “Các đô thị đã xuất hiện... trên thế giới” và trả lời các câu hỏi:  ? Đô thị xuất hiện trên Trái Đất từ thời kì nào? (Thời kì Cổ đại: Trung Quốc, Ấn Độ, Ai Cập, Hi Lạp, La Mã... là lúc đã có trao đổi hàng hóa).  ? Đô thị phát triển nhất khi nào? (Thế kỉ XIX là lúc công nghiệp phát triển).  - Từ đó, GV giúp HS khái quát: Quá trình phát triển đô thị gắn liền với quá trình phát triển thương nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp.  **Bước 2:**  **-** GV hướng dẫn HS đọc lược đồ 3.3 và trả lời câu hỏi:  ? Có bao nhiêu đô thi trên thế giới có từ 8 triệu dân trở lên? (23)  ? Châu lục nào có nhiều siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên nhất? (châu Á: 12).  ? Đọc tên 12 siêu đô thị có từ 8 triêu dân trở lên ở châu Á.  ? Tìm số siêu đô thị có từ 8 triệu dân trở lên ở các nước phát triển (châu Âu, Bắc Mĩ, Nhật Bản: 7) và các nước phát triển (16) để thấy các siêu đô thị có từ 8 triệu dân trở lên phần lớn thuộc các nước đang phát triển.  - Cho HS đọc SGK đoạn “Năm 1950 ... đang phát triển” để kết lại ý này.  **Bước 3:**  - GV cho HS đọc SGK đoạn “Vào thế kỉ XVIII ... phát triển”.  - Yêu cầu HS cho biết: tỉ lệ dân số đô thị trên thế giới từ thế kỉ XVIII đến nay tăng lên bao nhiêu lần? Việc tăng nhanh như vậy có ảnh hưởng như thế nào tới phát triển kinh tế, xã hội và môi trường?  - HS trả lời, GV chuẩn kiến thức (liên hệ thực tế Việt Nam và một số nước đô thị hóa tự phát). | **2: Đô thị hóa. Các siêu đô thị**  - Các đô thị xuất hiện rất sớm trong thời Cổ đại.  - Số dân đô thị trên thế giới ngày càng tăng, hiện nay có khoảng hơn một nửa dân số thế giới sống trong các đô thị.  - Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng, trở thành các siêu đô thị. Tiêu biểu là Niu I-oóc, Luân Đôn, Thượng Hải, Tô-ky-ô...  - Đô thị hóa là xu hướng tất yếu, nhưng nhiều siêu đô thị hóa tự phát sẽ gây những hậu quả nghiên trọng về môi trường, sức khỏe, giao thông.... |

**HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP**

**1. Củng cố và kiểm tra đánh giá**

**Câu 1.** Đô thị xuất hiện trên Trái Đất từ thời kì

A. cổ đại

B. trung đại

C. cận đại

D. hiện đại

**Câu 2.** Hãy kể tênmột số siêu đô thị tiêu biểu ở các châu lục

**2. Chuẩn bị bài học tiếp theo**

Chuẩn bị bài 4: ôn lại phần tháp tuổi và đọc bản đồ phân bố dân cư thế giới.

**PHỤ LỤC**

Sự khác nhau về cách tổ chức sinh sống và hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quần cư nông thôn** | | **Quần cư thành thị** | |
| Cách tổ chức sinh sống | Hoạt động kinh tế chủ yếu | Cách tổ chức sinh sống | Hoạt động kinh tế chủ yếu |
| - Phân tán, mật độ dân số thấp.  - Làng mạc, thôn bản sống xen kẽ với đất canh tác, đất đồng cỏ, đất rừng hay gần nguồn nước. | Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. | - Tập trung, mật độ dân số cao.  - Các khu phố, dãy nhà xen lẫn với một số nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh... | Công nghiệp và dịch vụ. |
| Năng lực giải quyết vấn đề và sử dụng ngôn ngữ. | | **Xu hướng:** Số người sống ở thành thị tăng. | |